

Số: 04/QĐ-VP

P. Phan Đình Phùng, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ Thông báo số 60/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Phan Đình Phùng năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 108/TB-UBND ngày 18/9/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng để thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng đã được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 (được thay thế bởi Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 10;

Căn cứ Thông báo số 138/TB-UBND ngày 03/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 10;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để hỗ trợ cho công tác khắc phục thiệt hại bão số 11;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc sử dụng kinh phí tỉnh bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương cấp kinh phí cho các đơn vị để khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 142/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc sử dụng kinh phí tỉnh bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương cấp kinh phí cho các đơn vị để khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 192/TB-UBND ngày 11/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để hỗ trợ cho công tác khắc phục thiệt hại bão số 11;

Căn cứ Thông báo số 193/TB-UBND ngày 11/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng phân kinh phí đã sử dụng 6 tháng đầu năm của các đơn vị giải thể thuộc thành phố Thái Nguyên và 07 đơn vị phường trước sắp xếp, sáp nhập (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng (đợt 2);

Căn cứ Thông báo số 200/TB-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để thực hiện nhiệm vụ theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (đợt 8);

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc trích từ nguồn ngân sách cấp tỉnh chuyển về năm 2025 phân bổ kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ số liệu kế toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các tài liệu đối chiếu có liên quan của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính – Kế toán Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025

1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng.

2. Nội dung công khai gồm thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước theo Biểu mẫu số 76, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Tổng quyết toán chi thường xuyên thực hiện năm 2025 là: 281.724.058.925 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi một tỷ bảy trăm hai mươi tư triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Số liệu chi tiết được thể hiện tại biểu công khai và thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hình thức công khai và tổ chức thực hiện

1. Việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 26/2026/TT-BTC và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Bộ phận Tài chính - Kế toán có trách nhiệm rà soát, đối chiếu số liệu công khai với báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tài liệu liên quan; bảo đảm số liệu công khai đầy đủ, chính xác, thống nhất.

3. Các bộ phận, cá nhân có liên quan thuộc Văn phòng HĐND và UBND phường có trách nhiệm phối hợp thực hiện, theo dõi và lưu trữ hồ sơ công khai quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận Tài chính - Kế toán và các bộ phận, cá nhân có liên quan thuộc Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Mai Biển

Số: 08 /TB-VP

P. Phan Đình Phùng, ngày 10 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của
Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ Thông báo số 60/TB-UBND ngày 21/8/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Phan Đình Phùng năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 108/TB-UBND ngày 18/9/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng để thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng đã được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023(được thay thế bởi Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 10;

Căn cứ Thông báo số 138/TB-UBND ngày 03/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 10;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để hỗ trợ cho công tác khắc phục thiệt hại bão số 11;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc sử dụng kinh phí tỉnh bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương cấp kinh phí cho các đơn vị để khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 142/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc sử dụng kinh phí tỉnh bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương cấp kinh phí cho các đơn vị để khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 192/TB-UBND ngày 11/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để hỗ trợ cho công tác khắc phục thiệt hại bão số 11;

Căn cứ Thông báo số 193/TB-UBND ngày 11/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng phần kinh phí đã sử dụng 6 tháng đầu năm của các đơn vị giải thể thuộc thành phố Thái Nguyên và 07 đơn vị phường trước sắp xếp, sáp nhập (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Phan Đình Phùng (đợt 2);

Căn cứ Thông báo số 200/TB-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để thực hiện nhiệm vụ theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (đợt 8);

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Phan Đình Phùng về việc trích từ nguồn ngân sách cấp tỉnh chuyển về năm 2025 phân bổ kinh phí cho Văn phòng HĐND và UBND phường để thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ số liệu kế toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các tài liệu đối chiếu có liên quan của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng;

Căn cứ số liệu kế toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các tài liệu đối chiếu có liên quan của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính – Kế toán Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng,

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-VP ngày 10/4/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng

1. Nội dung công khai

- Tài liệu đối chiếu có liên quan của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng;

- Quyết định số 04/QĐ-VP ngày 10/4/2026 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng.

- Biểu mẫu số 76, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hình thức công khai

- Công khai trên cổng thông tin điện tử của phường.

- Công bố tại cuộc họp giao ban của đơn vị.

3. Thời gian công khai: Từ ngày 10/4/2026.

4. Tổ chức thực hiện

Bộ phận kế toán có trách nhiệm cung cấp, lưu trữ tài liệu công khai; các bộ phận liên quan theo dõi, giám sát, quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng dự toán, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và quy định hiện hành.

Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng thông báo để các bộ phận liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường (b/c)
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT



Nguyễn Mai Biển

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-VP ngày 10/04/2026 của
Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	281.724,06			
1	Nguồn ngân sách trong nước	281.724,06			
1	Chi quản lý hành chính	109.222,07			

1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	19.720,31			
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	69.914,49			
1.3	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 15)	106,41			
1.4	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 18)	275,49			
1.5	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 23)	19.205,38			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4.031,07			
3.1	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	4.031,07			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.837,83			
4.1	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	5.837,83			
5	Chi bảo đảm xã hội	42.828,10			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.169,06			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	41.659,04			
6	Chi hoạt động kinh tế	41.814,54			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.551,90			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	39.262,65			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	42.624,63			
7.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	42.624,63			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	9.847,79			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.740,20			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.107,59			

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	944,72			
9.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	944,72			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	733,15			
10.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	733,15			
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	17.755,58			
11.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	17.755,58			
12	Chi sự nghiệp An ninh	6.084,57			
12.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.084,57			
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 10 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



CHÁNH VĂN PHÒNG
Nguyễn Mai Biển





P. Phan Đình Phùng, ngày 10 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025

Căn cứ hồ sơ kế toán, chứng từ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; số liệu đối chiếu với Kho bạc Nhà nước; các quyết định giao, bổ sung, điều chỉnh dự toán và hồ sơ bàn giao kinh phí, nhiệm vụ chi của các đơn vị trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng báo cáo thuyết minh quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM QUYẾT TOÁN NĂM 2025

Năm 2025 là năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức lại bộ máy chính quyền địa phương. Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2025.

Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, Văn phòng tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ, kinh phí và nhiệm vụ chi của các đơn vị cũ được bàn giao theo hồ sơ và quyết định có liên quan. Vì vậy, số liệu quyết toán năm 2025 của đơn vị không chỉ phản ánh kinh phí phát sinh trong thời gian Văn phòng mới hoạt động mà còn bao gồm các khoản kinh phí, nhiệm vụ chi thuộc phạm vi được bàn giao và giao trách nhiệm quản lý, quyết toán.

Việc tổng hợp quyết toán được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, chứng từ kế toán; dự toán được giao, bổ sung, điều chỉnh; hồ sơ bàn giao giữa các đơn vị trước và sau sắp xếp; số liệu đối chiếu với Kho bạc Nhà nước và các tài liệu có liên quan.

Đặc thù trên đòi hỏi việc rà soát, đối chiếu số liệu phải bảo đảm xác định rõ nguồn kinh phí, thời kỳ phát sinh, nội dung nhiệm vụ chi và trách nhiệm quyết toán của từng đơn vị; không bỏ sót các khoản thu, chi thuộc phạm vi quyết toán, đồng thời không tổng hợp trùng lặp các khoản kinh phí đã được quyết toán tại đơn vị bàn giao.

II. THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Quyết toán thu, chi và nộp ngân sách phí, lệ phí Quyết toán thu, chi và nộp ngân sách phí, lệ phí

Trong năm 2025, Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng không phát sinh các khoản thu phí, lệ phí; không phát sinh chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại và các khoản nộp ngân sách liên quan. Vì vậy, không có số liệu quyết toán đối với nội dung này.

2. Quyết toán chi ngân sách nhà nước

Theo số liệu tại Mẫu biểu số 76, tổng số quyết toán chi ngân sách nhà nước đang tổng hợp là **281.724,06 triệu đồng**. Các khoản chi được phân loại theo lĩnh vực, nội dung và nguồn kinh phí, bao gồm kinh phí do đơn vị trực tiếp thực hiện và các khoản kinh phí, nhiệm vụ chi được bàn giao từ các đơn vị cũ sau sắp xếp, trong phạm vi trách nhiệm quyết toán được giao.

Việc tổng hợp số liệu từng lĩnh vực được thực hiện trên cơ sở hồ sơ giao dự toán, quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh kinh phí, hồ sơ bàn giao, sổ kế toán, chứng từ chi và số liệu đối chiếu với Kho bạc Nhà nước. Số liệu dưới đây là số liệu theo Mẫu biểu số 76, cần tiếp tục đối chiếu trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét.

2.1. Chi quản lý hành chính

Số quyết toán theo dự thảo biểu là **109.222,07 triệu đồng**, gồm:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 19.720,31 triệu đồng.
- Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ, mã nguồn 12: 69.914,49 triệu đồng.
- Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ, mã nguồn 15: 106,41 triệu đồng.
- Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ, mã nguồn 18: 275,49 triệu đồng.
- Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ, mã nguồn 23: 19.205,38 triệu đồng.

Các khoản chi được tổng hợp theo nguồn kinh phí và nội dung chi đã hạch toán, bao gồm phần kinh phí thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý và phần kinh phí được bàn giao và giao trách nhiệm quyết toán.

Đơn vị tiếp tục đối chiếu số liệu theo từng mã nguồn, hồ sơ bàn giao và chứng từ liên quan để xác định chính xác số quyết toán thuộc trách nhiệm của Văn phòng.

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo

Số quyết toán theo biểu là **4.031,07 triệu đồng**, toàn bộ thuộc kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ. Việc tổng hợp được đối chiếu với nhiệm vụ chi, nguồn kinh phí và hồ sơ bàn giao liên quan.

2.3. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

Số quyết toán theo biểu là **5.837,83 triệu đồng**, thuộc kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ. Đơn vị rà soát số liệu theo hồ sơ thực hiện nhiệm vụ, chứng từ chi và phạm vi trách nhiệm quyết toán được giao.

2.4. Chi bảo đảm xã hội

Số quyết toán theo biểu là **42.828,10 triệu đồng**, gồm:

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ: 1.169,06 triệu đồng.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ: 41.659,04 triệu đồng.

Đối với các khoản chi thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội được bàn giao từ các đơn vị cũ, việc tổng hợp quyết toán căn cứ số liệu bàn giao, không có danh sách đối tượng thụ hưởng, chứng từ chi trả và tài liệu liên quan.

2.5. Chi hoạt động kinh tế



Số quyết toán theo biểu là **41.814,54 triệu đồng**, gồm:

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ: 2.551,90 triệu đồng.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ: 39.262,65 triệu đồng.

Các khoản chi được tổng hợp theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và hồ sơ thực hiện. Đối với nhiệm vụ do đơn vị cũ thực hiện chuyển giao trong quá trình sắp xếp, đơn vị đối chiếu số liệu bàn giao đã được kho bạc xác nhận, không có chứng từ, tài liệu liên quan.

2.6. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Số quyết toán theo biểu là **42.624,63 triệu đồng**, thuộc kinh phí thường xuyên không giao tự chủ. Số liệu được rà soát theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán được giao.

2.7. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin

Số quyết toán theo biểu là **9.847,79 triệu đồng**, gồm:

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ: 3.740,20 triệu đồng.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ: 6.107,59 triệu đồng.

Số liệu được rà soát theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán được giao.

2.8. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin

Số quyết toán theo biểu là **944,72 triệu đồng**, thuộc kinh phí thường xuyên không giao tự chủ. Số liệu được rà soát theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán được giao.

2.9. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao

Số quyết toán theo biểu là **733,15 triệu đồng**, thuộc kinh phí thường xuyên không giao tự chủ. Số liệu được rà soát theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán được giao.

2.10. Chi sự nghiệp quốc phòng

Số quyết toán theo biểu là **17.755,58 triệu đồng**, thuộc kinh phí thường xuyên không giao tự chủ. Số liệu được rà soát theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán được giao.

2.11. Chi sự nghiệp an ninh

Số quyết toán theo biểu là **6.084,57 triệu đồng**, thuộc kinh phí thường xuyên không giao tự chủ. Số liệu được rà soát theo nhiệm vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán được giao.

3. Nguồn vốn viện trợ và nguồn vay nợ nước ngoài

Trong năm 2025, Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng không phát sinh Nguồn vốn viện trợ và nguồn vay nợ nước ngoài. Vì vậy, không có số liệu quyết toán đối với nội dung này.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔNG HỢP VÀ LẬP QUYẾT TOÁN

1. Thuận lợi

Việc tổng hợp quyết toán được thực hiện trên cơ sở hồ sơ kế toán, chứng từ chi ngân sách, các quyết định giao và điều chỉnh dự toán, hồ sơ bàn giao và số liệu đối chiếu với Kho bạc Nhà nước. Các khoản chi được phân loại theo lĩnh vực, nội dung và nguồn kinh phí để phục vụ công tác rà soát, kiểm tra và xét duyệt quyết toán.

2. Khó khăn, vướng mắc

Năm 2025 là năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng mới thành lập từ tháng 7/2025 và tiếp nhận, tổng hợp cả kinh phí, nhiệm vụ chi của các đơn vị cũ bàn giao sau sáp nhập. Do đó, việc hoàn thiện quyết toán đòi hỏi phải rà soát, đối chiếu nhiều nguồn hồ sơ, xác định thời kỳ phát sinh, nguồn kinh phí và trách nhiệm quyết toán của từng đơn vị.

Văn phòng tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để rà soát hồ sơ bàn giao; đối chiếu số liệu theo từng nguồn kinh phí, lĩnh vực chi và thời kỳ phát sinh; xác định rõ các khoản đã được quyết toán tại đơn vị bàn giao và các khoản thuộc trách nhiệm quyết toán của Văn phòng.

Trên cơ sở kết quả rà soát, đơn vị hoàn thiện báo cáo quyết toán, thuyết minh các nội dung cần làm rõ và trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND phường Phan Đình Phùng



BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2025

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành ngân sách	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	011	00000	0	1.264.993.000	17.947.637.966	17.947.637.966	17.947.637.966	17.755.577.546	17.755.577.546	0	0	0	192.060.420
12	041	00000	0	2.136.900.000	6.115.057.829	6.115.057.829	6.115.057.829	6.084.566.829	6.084.566.829	0	0	0	30.491.000
12	341	00000	0	41.244.267.340	63.396.743.970	63.396.743.970	63.396.743.970	63.366.314.902	63.366.314.902	0	0	0	30.429.068
12	071	00000	0	0	577.551.563	577.551.563	577.551.563	577.551.563	577.551.563	0	0	0	0
12	072	00000	0	0	593.036.767	593.036.767	593.036.767	593.036.767	593.036.767	0	0	0	0
12	073	00000	0	0	976.312.357	976.312.357	976.312.357	976.312.357	976.312.357	0	0	0	0
12	075	00000	0	0	1.868.585.000	1.868.585.000	1.868.585.000	1.868.585.000	1.868.585.000	0	0	0	0
12	098	10515	0	0	410.860	410.860	410.860	410.860	410.860	0	0	0	0
12	098	40515	0	0	15.175.000	15.175.000	15.175.000	15.175.000	15.175.000	0	0	0	0
12	133	00000	0	0	5.837.832.000	5.837.832.000	5.837.832.000	5.837.832.000	5.837.832.000	0	0	0	0
12	161	00000	0	0	6.074.271.787	6.074.271.787	6.074.271.787	6.074.271.787	6.074.271.787	0	0	0	0
12	171	10521	0	0	10.966.790	10.966.790	10.966.790	10.966.790	10.966.790	0	0	0	0
12	171	40521	0	0	22.350.000	22.350.000	22.350.000	22.350.000	22.350.000	0	0	0	0
12	191	00000	0	0	944.718.449	944.718.449	944.718.449	944.718.449	944.718.449	0	0	0	0
12	221	00000	0	0	733.149.720	733.149.720	733.149.720	733.149.720	733.149.720	0	0	0	0

12	261	00000	0	0	42.624.632.306	42.624.632.306	42.624.632.306	42.624.632.306	42.624.632.306	0	0	0	0	0	0	0	0
12	281	00000	0	0	1.578.235.860	1.578.235.860	1.578.235.860	1.578.235.860	1.578.235.860	0	0	0	0	0	0	0	0
12	281	10493	0	0	271.130.000	271.130.000	271.130.000	271.130.000	271.130.000	0	0	0	0	0	0	0	0
12	281	10502	0	0	54.595.000	54.595.000	54.595.000	54.595.000	54.595.000	0	0	0	0	0	0	0	0
12	283	00000	0	0	21.775.580	21.775.580	21.775.580	21.775.580	21.775.580	0	0	0	0	0	0	0	0
12	292	00000	0	0	137.054.397	137.054.397	137.054.397	137.054.397	137.054.397	0	0	0	0	0	0	0	0
12	297	00000	0	0	109.740.041	109.740.041	109.740.041	109.740.041	109.740.041	0	0	0	0	0	0	0	0
12	312	00000	0	0	32.363.983.435	32.363.983.435	32.363.983.435	32.363.983.435	32.363.983.435	0	0	0	0	0	0	0	0
12	332	00000	0	0	3.176.676.444	3.176.676.444	3.176.676.444	3.176.676.444	3.176.676.444	0	0	0	0	0	0	0	0
12	338	00000	0	0	1.533.908.322	1.533.908.322	1.533.908.322	1.532.958.318	1.532.958.318	0	0	0	0	0	0	0	950.004
12	351	00000	0	0	2.939.900.684	2.939.900.684	2.939.900.684	2.939.900.684	2.939.900.684	0	0	0	0	0	0	0	0
12	361	00000	0	0	1.824.240.995	1.824.240.995	1.824.240.995	1.824.240.995	1.824.240.995	0	0	0	0	0	0	0	0
12	362	00000	0	0	1.784.034.787	1.784.034.787	1.784.034.787	1.784.034.787	1.784.034.787	0	0	0	0	0	0	0	0
12	371	00000	0	0	2.320.029.000	2.320.029.000	2.320.029.000	2.320.029.000	2.320.029.000	0	0	0	0	0	0	0	0
12	374	00000	0	0	282.365.500	282.365.500	282.365.500	282.365.500	282.365.500	0	0	0	0	0	0	0	0
12	398	00000	0	0	39.040.754.990	39.040.754.990	39.040.754.990	39.040.754.990	39.040.754.990	0	0	0	0	0	0	0	0
12	398	10519	0	0	2.239.591	2.239.591	2.239.591	2.239.591	2.239.591	0	0	0	0	0	0	0	0
12	398	40519	0	0	13.650.000	13.650.000	13.650.000	13.650.000	13.650.000	0	0	0	0	0	0	0	0
13	161	00000	0	0	3.740.202.930	3.740.202.930	3.740.202.930	3.740.202.930	3.740.202.930	0	0	0	0	0	0	0	0
13	281	00000	0	0	1.491.331.812	1.491.331.812	1.491.331.812	1.491.331.812	1.491.331.812	0	0	0	0	0	0	0	0
13	338	00000	0	0	1.060.566.866	1.060.566.866	1.060.566.866	1.060.566.866	1.060.566.866	0	0	0	0	0	0	0	0
13	341	00000	0	3.418.021.000	16.963.860.771	16.963.860.771	16.963.860.771	16.870.045.446	16.870.045.446	0	0	0	0	0	0	0	93.815.325
13	361	00000	0	0	2.850.262.155	2.850.262.155	2.850.262.155	2.850.262.155	2.850.262.155	0	0	0	0	0	0	0	0
13	398	00000	0	0	1.169.062.606	1.169.062.606	1.169.062.606	1.169.062.606	1.169.062.606	0	0	0	0	0	0	0	0
18	341	00000	0	138.518.640	281.485.860	281.485.860	281.485.860	275.485.847	275.485.847	0	0	0	0	0	0	0	6.000.013
23	341	00000	0	0	19.205.379.605	19.205.379.605	19.205.379.605	19.205.379.605	19.205.379.605	0	0	0	0	0	0	0	0
12	281	10472	0	0	10.737.600	10.737.600	10.737.600	10.737.600	10.737.600	0	0	0	0	0	0	0	0

12	281	10473	0	0	3.607.500	3.607.500	3.607.500	3.607.500	0	0	0	0
12	281	40472	0	0	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	0	0	0	0
12	281	40473	0	0	540.900	540.900	540.900	540.900	0	0	0	0
28	341	00000	0	0	0	0	0	0	0	0	89.000.000	0
15	341	00000	0	0	106.409.160	106.409.160	106.409.160	106.409.160	0	0	0	0
Cộng:			0	48.202.699.980	282.077.804.755	282.077.804.755	282.077.804.755	281.724.058.925	0	0	89.000.000	353.745.830
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 2 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Thị Lan

Người ký: Nguyễn Ngọc Quang
Ngày ký: 02/02/2026 14:05:16
Mức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bưu Việt - Phòng Kế toán Nhà nước

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 2 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Thanh Nhân
Ngày ký: 02/02/2026 09:24:46
Đơn vị: Văn phòng UBND và UBND phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Người ký: Nguyễn Mai Biền
Ngày ký: 02/02/2026 09:27:00
Đơn vị: Văn phòng UBND và UBND phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Nguyễn Ngọc Quang

Nguyễn Thị Thanh Nhân

Nguyễn Mai Biền